

BIỆN PHÁP GIÁO DỤC ĐỊNH HƯỚNG GIÁ TRỊ TRONG TÌNH YÊU CHO SINH VIÊN MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. PHAN THỊ TỐ OANH* - LÊ NGUYỄN ANH NHU**

1. Tình yêu (TY) nam - nữ tuổi sinh viên (SV) và định hướng giá trị (ĐHGT) trong TY là một lĩnh vực rất đặc trưng, tất yếu và cần được coi trọng vì nó có ảnh hưởng mạnh mẽ đến đời sống cá nhân SV nói riêng lẫn xã hội nói chung. Đối với mỗi người, ĐHGTT có tác dụng chi phối, điều chỉnh hành vi của họ và quy định xu hướng nhân cách, lối sống cá nhân từ sâu bên trong. Trên bình diện xã hội, dựa vào số liệu của tổng điều tra dân số ở Việt Nam, tuổi kết hôn trung bình lần đầu của nam là 26,2 và nữ là 22,8 (1; tr.105). Điều này có nghĩa là, tuổi SV rất gần với tuổi kết hôn. Mặt khác, nguyên nhân của các vụ li hôn có 28% do mâu thuẫn về lối sống, 26% do ngoại tình và chỉ có 2,2% là do sức khỏe (1; tr.120). Việc nghiên cứu vấn đề ĐHGTT trong TY của SV để đưa ra các kiến nghị, biện pháp giáo dục phù hợp có ý nghĩa thực tiễn lớn, giúp các bạn trẻ đạt được mối quan hệ TY bền vững và hạnh phúc trong đời sống hôn nhân sau này.

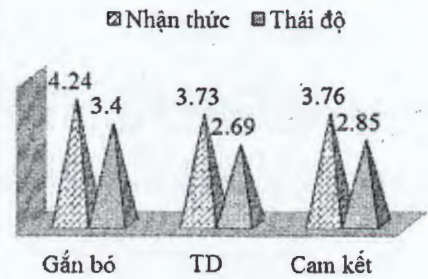
Chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu tại 3 trường đại học (ĐH) lớn của TP. Hồ Chí Minh là Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường ĐH Khoa học Tự nhiên và Trường ĐH Công nghiệp với tổng cộng 599 SV để tìm hiểu cả 3 khía cạnh nhận thức - thái độ - hành vi trong ĐHGTT TY của SV đối với các nhóm giá trị (GT) TY là *gắn bó*, *tình dục* (TD) và *cam kết*. Trong đó, nhóm "gắn bó" gồm các GT mang lại hoặc đảm bảo sự gắn kết tốt đẹp, thân mật giữa 2 người; nhóm "TD" thể hiện sự lãng mạn, lối cuốn TD và nhóm "cam kết" gồm các GT củng cố cho cam kết dài hạn (lâu dài/suốt đời) hay ngắn hạn (quyết định yêu ai đó) trong TY.

2. Thực trạng ĐHGTT trong tình yêu của SV

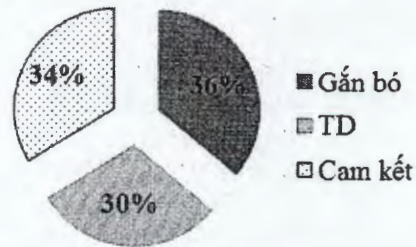
Nghiên cứu ĐHGTT phải khảo sát đủ 3 mặt trong nhân cách ở SV là nhận thức tầm quan trọng của 3 nhóm GT TY, mức độ phù hợp của bản thân dành cho các thái độ đối với GT TY và cách ứng xử tích cực hay tiêu cực trong những tình huống thể hiện các GT này. *Biểu đồ 1* dưới đây thể hiện kết quả nghiên cứu về nhận thức và thái độ của SV dựa trên 2 thang đo 5

mức độ lần lượt là 1 - Không quan trọng đến 5 - Rất quan trọng và 1 - Không phù hợp đến 5 - Rất phù hợp. Còn *biểu đồ 2* thể hiện tỉ lệ % SV lựa chọn cách cư xử tích cực trong những tình huống liên quan đến 3 nhóm GT TY.

Biểu đồ 1: Nhận thức và thái độ đối với các nhóm GT TY (tính theo điểm trung bình)



Sự lựa chọn hành vi tích cực



Biểu đồ 2. Sự lựa chọn hành vi tích cực thể hiện các nhóm GT TY (tính theo %)

Nhìn vào *biểu đồ 1* và *2*, nhận thấy, SV có sự thống nhất giữa 3 mặt nhận thức - thái độ - hành vi đối với những nhóm GT TY: SV coi trọng, có sự phù hợp và cách cư xử tích cực nhiều nhất đối với nhóm GT gắn bó, sau đó tới nhóm cam kết và cuối cùng là GT TD. Tuy nhiên, khi phân tích sâu hơn, sự khác biệt trong nhận thức và thái độ của SV dành cho 2 nhóm GT cam kết và TD là không đáng kể. Mặt khác, số SV có thái độ theo hướng tích cực cao hơn so với tiêu cực với điểm trung bình lần lượt là 3,44 và 2,32. Sự khác biệt này có ý nghĩa về mặt thống kê với $T = 30.946$;

* Trường Đại học công nghiệp TP. Hồ Chí Minh

** Học viên sau đại học, Trường Đại học sư phạm TP. Hồ Chí Minh

$P = .000$ (Mức xác suất $\alpha = 0,05$; $P < \alpha$ có sự khác biệt có ý nghĩa). Hơn nữa, số SV lựa chọn cách ứng xử đẹp (70,2%) trong những tình huống khảo sát cao hơn nhiều hành vi tiêu cực.

Kết quả nghiên cứu phản ánh thực trạng về ĐHGTY của SV là đề cao những GT thiên về tinh thần - yếu tố giúp mối quan hệ ngày càng tốt đẹp hơn là những GT hướng tới việc thỏa mãn nhu cầu sinh lí, TD. Điều này có thể là do ở tuổi SV; họ đạt được sự trưởng thành nhất định nên có định hướng đúng đắn. Nhưng trong thực tế, vẫn luôn tồn tại một bộ phận SV có ĐHGTY chưa đúng đắn với những hành vi không tốt có thể quan sát được như lừa dối, "bắt cá hai tay", ít tôn trọng người yêu... Thêm vào đó, trong quá trình tìm hiểu về nhận định của SV dành cho sự thay đổi các GT TY hiện nay, người nghiên cứu thu được kết quả đáng chú ý sau: 87,3% cho rằng "SV cần được học về các vấn đề TY, TD để có định hướng đúng" và 71,8% đồng ý "SV vẫn thiếu kiến thức về TY và TD (giới tính, sức khỏe sinh sản...)". Điều này cho thấy, việc giáo dục ĐHGTY cho SV là cần thiết và hữu ích nhằm hạn chế tối đa những hiện trạng này.

3. Những yếu tố ảnh hưởng đến ĐHGTY của SV và mong muốn của SV dành cho gia đình, nhà trường, xã hội

Để đề xuất được những biện pháp giáo dục ĐHGTY phù hợp với SV, việc tìm hiểu những yếu tố ảnh hưởng đến định hướng của các bạn và mong muốn dành cho gia đình, nhà trường và xã hội là rất cần thiết. Bảng dưới đây thể hiện kết quả nghiên cứu.

| | | ĐTB | ĐLC | Hạng | F | P |
|------------------|------------|------|---------|------|--------|------|
| Yếu tố ảnh hưởng | Bên trong | 3.91 | .67602 | 1 | 4.431 | .002 |
| | Gia đình | 3.66 | .76316 | 2 | 4.702 | .000 |
| | Nhà trường | 3.36 | 1.02182 | 3 | 15.448 | .000 |
| | Xã hội | 2.84 | .72643 | 4 | 33.607 | .000 |
| Mong muốn | Gia đình | 4.03 | .62959 | 3 | 23.548 | .000 |
| | Nhà trường | 4.05 | .85397 | 2 | 65.937 | .000 |
| | Xã hội | 4.25 | .70327 | 1 | 18.621 | .000 |

Với mức xác suất $\alpha = 0,05$; $P < \alpha$ có sự khác biệt có ý nghĩa (ĐTB: Điểm trung bình; ĐLC: Độ lệch chuẩn)

Bảng trên cho thấy, ĐHGTY của SV chịu chi phối nhiều nhất từ chính những nhân tố bên trong bản thân họ như nhận thức, nhu cầu, sở thích... kể đến là gia đình, nhà trường và xã hội. Đặc biệt, sự khác biệt giữa các yếu tố này hoàn toàn có ý nghĩa về mặt

thống kê. Điều này cho thấy, ảnh hưởng của gia đình và nhà trường đối với ĐHGTY của SV có ý nghĩa đáng kể và có thể thực hiện giáo dục ĐHGTY thông qua việc tác động đến nhận thức, nhu cầu... của SV.

Ngoài ra, kết quả cho thấy, mức độ mong muốn của SV dành cho các ý kiến đưa ra trong phiếu khảo sát khá cao với đa số ĐTB được đánh giá từ mức "mong muốn" đến "rất mong muốn". Trong đó, nguyện vọng dành cho xã hội có mức độ mong muốn cao nhất; kế đến là nguyện vọng đối với gia đình và cuối cùng thuộc về nhà trường. Tất cả sự khác biệt này đều có ý nghĩa về mặt thống kê. Tuy nhiên, mức độ chênh lệch giữa các nhóm mong muốn của SV không lớn. Điều này có nghĩa, đối với SV, những mong muốn, nguyện vọng thuộc nhóm nào cũng đều mạnh mẽ tương tự nhau. Trong đó, những mong ước quan trọng nhất là được xã hội "Đảm bảo môi trường sống lành mạnh, ít tệ nạn về TD (mại dâm, cưỡng bức...)"; được cha mẹ, gia đình "Dạy cho con các phẩm chất, giá trị, kiến thức, kĩ năng... cần thiết về các vấn đề trong TY, TD" và được nhà trường "Tổ chức các hoạt động giáo dục về các vấn đề trong TY, TD cho SV".

4. Đề xuất biện pháp giáo dục ĐHGTY tình yêu cho SV

Nhìn chung, đa số SV hiện nay có ĐHGTY đúng đắn với sự đề cao các GT tinh thần tốt đẹp hơn là GT thể xác, TD; thái độ phù hợp và lựa chọn hành vi thể hiện GT tích cực hơn tiêu cực. Tuy nhiên, một bộ phận vẫn có ĐHGTY chưa đúng đắn. Thêm vào đó, SV có nhu cầu cao trong việc được học về TY lẫn những vấn đề liên quan. Việc giáo dục ĐHGTY cho SV có thể được thực hiện hiệu quả bởi gia đình và nhà trường bằng cách tác động đến nhận thức hay những yếu tố bên trong của các bạn. Từ đây, người nghiên cứu đề xuất những biện pháp sau dành cho nhà trường nhằm nâng cao nhận thức cho SV về các GT đích thực của TY:

1) **Cung cấp thông tin cho SV về tình yêu, giới tính thông qua các kênh thông tin khác nhau.** Để thực hiện điều này, các trường ĐH nên cung cấp thông tin cho SV về vấn đề TY, giới tính thông qua việc hình thành những kênh thông tin theo định kì như báo chí, tập san, báo điện tử... kết hợp với những hình thức cung cấp thông tin phong phú khác như tổ chức các buổi thảo luận chuyên đề,

cuộc thi cũng như thiết kế những khóa học về TY - hôn nhân - gia đình cho SV đăng kí học theo nhu cầu. Hiện nay, báo chí dành cho SV chưa nhiều; một số trường ĐH xuất bản các nội san, chuyên mục dành cho SV nhưng không thu hút được SV vì nội dung chưa phong phú. Do đó, việc các trường ĐH tổ chức xuất bản các nội san, tạp chí, báo, thông tin trên website cho SV trong và ngoài trường với các vấn đề, nội dung, chuyên mục phù hợp, hấp dẫn, bổ ích là vô cùng cần thiết. Đây sẽ là nguồn thông tin vô cùng quý giá của SV và góp phần tăng hiệu quả giáo dục tại các trường ĐH.

2) Tổ chức các hoạt động, phong trào mang tính giáo dục với nhiều hình thức khác nhau như cuộc thi, buổi tọa đàm, thảo luận chuyên đề, seminar... Những loại hình này sẽ cung cấp thông tin một cách sâu sắc, đầy đủ cho SV nhất là trong tình hình hiện nay, khi các em còn thiếu kiến thức về TY, TD, giới tính, sức khỏe sinh sản. Thêm vào đó, đây cũng là cơ hội tốt để SV tìm hiểu và giải quyết được vấn đề khúc mắc của mình như đặt câu hỏi cho các chuyên gia, tự nghiên cứu dựa trên những điều được truyền đạt, thực hành thực tế...

Một nội dung quan trọng của việc giáo dục nâng cao nhận thức cho SV về các GT TY là thiết kế những khóa học dưới nhiều hình thức khác nhau như môn học tự chọn, khóa học ngoại khóa, lớp học miễn phí... tùy theo hoàn cảnh cụ thể của từng trường để phát huy hiệu quả cao nhất. Mặt khác, điều tất yếu là trước khi mở những lớp học này thì nhà trường cần thăm dò tỉ mỉ, nghiêm túc nhu cầu, mong muốn, ý kiến của SV để nắm được tình hình thực tiễn và xây dựng chương trình học phù hợp trên cơ sở lí luận và thực tế.

3) Thành lập phòng tư vấn tâm lí cho SV. Nhà trường cần thành lập văn phòng tư vấn cho SV nhằm giúp đỡ những SV gặp khó khăn trong tâm lí, học tập hay vấn đề cá nhân. Điều này tuy không dễ thực hiện nhưng nó rất hữu ích cho SV. Các trường ĐH có thể tham khảo các mô hình, chương trình đã được áp dụng thành công ở nước ngoài để học hỏi kinh nghiệm và áp dụng có chọn lọc tùy thuộc vào hoàn cảnh cụ thể của mình.

4) Hỗ trợ kinh phí cho Đoàn, Khoa và Hội trong các hoạt động liên quan đến SV. Nhà trường nên tạo điều kiện, cấp kinh phí cho các đoàn, khoa và hội

trong trường có điều kiện tổ chức những ngày hội, phong trào, nhất là các câu lạc bộ như: *Kĩ năng sống, SV với Sức khỏe sinh sản...* nhằm tuyên truyền, tôn vinh và giáo dục những GT tốt đẹp cho SV. Vì đây là những nguồn lực tác động có lợi thế rất lớn là gắn gũi với SV nên dễ thu hút số lượng đông đảo SV; thuận lợi trong việc tuyên truyền, cập nhật thông tin; có thể trao đổi trực tiếp một cách nhanh chóng... Tuy nhiên, hiện nay, các câu lạc bộ này tại trường ĐH hoạt động không hiệu quả hoặc rất cầm chừng vì những lí do chủ quan lẫn khách quan như thiếu kinh phí, thiếu nhân lực, thiếu sự quan tâm đúng mức của các nhà quản lí... Do đó, để các câu lạc bộ hoạt động được hiệu quả, cần nhận được sự quan tâm và đầu tư từ các nhà chức trách; kiện toàn cơ cấu tổ chức của câu lạc bộ với chủ nhiệm đứng đầu quản lí, các thành viên tham gia; hình thức sinh hoạt theo định kì cùng những nội dung hấp dẫn, phong phú, thiết thực.

Tóm lại, để tác động đến nhận thức của SV nhằm giúp các bạn có ĐHGT đúng đắn, nhà trường cần chú ý kết hợp và áp dụng nhiều biện pháp khác nhau tùy theo tình hình thực tiễn của mình để đạt được hiệu quả cao nhất. □

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Tổng cục Thống kê. *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam: Cấu trúc tuổi - giới tính và tình trạng hôn nhân của dân số Việt Nam 2009*. Hà Nội, 2011.
2. Dinaen Tillman. *Những giá trị sống cho tuổi trẻ* (tập 1, 2, 3). NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2009.
3. Phạm Minh Hạc. *Phát triển giáo dục, phát triển con người phục vụ phát triển xã hội - kinh tế*. NXB Khoa học xã hội, H. 1996.

SUMMARY

Results of research about love value orientations in present students expressed that most of them had good orientation but there is always a bad part. Besides, love value orientation of students was affected most by themselves and they have great desire for family and school education in order to help them have the right orientation. It is clear that family and school education could have strong effect on students' value orientation and prove it by affecting the inner personality factors such as perceptions, needs ... From that, the researchers proposed some recommendations for families, schools in order to educate love value orientation for students.